

THỰC TRẠNG NHU CẦU SỬ DỤNG INTERNET CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

TS. Đào Văn Thăng¹; ThS. Tống Thị Thu Hiền²

Tóm tắt: Thông qua các pháp nghiên cứu khoa học: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn, tọa đàm; Quan sát sự phạm và toán học thống kê. Nghiên cứu tiến hành đánh giá Thực trạng nhu cầu sử dụng Internet của sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh trên các mặt: Thực trạng thời gian mỗi lần lên mạng của sinh viên; Đánh giá của sinh viên về lợi ích của Internet đối với nhu cầu học tập; Thực trạng các hoạt động giải trí của sinh viên trên mạng Internet; Sinh viên đối với việc làm trên Internet; Mức độ vào mạng để tìm việc làm của sinh viên. Kết quả nghiên cứu là cơ sở định hướng sử dụng Internet của sinh viên trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Thực trạng; sử dụng Internet; sinh viên; Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh...

Abstract: Through conventional scientific research methods, including literature analysis and synthesis, interviews, discussions, pedagogical observation, and statistical mathematics, this study assesses the current status of internet usage among students at Bac Ninh University of Physical Education and Sports. The assessment covers aspects such as: the duration of each internet session, students' evaluation of internet benefits for learning needs, the current state of students' online entertainment activities, students' engagement with online work, and the extent of internet use for job seeking. The research results provide a foundation for guiding internet usage among students at Bac Ninh University of Physical Education and Sports in the current period.

Keywords: Current status, internet usage, students, Bac Ninh University of Physical Education and Sports.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay trong bối cảnh toàn cầu hóa với sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật, có nhiều dịch vụ công nghệ truyền thông ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người. Một trong những dịch vụ hàng đầu hiện nay là các phương tiện truyền thông đại chúng và đặc biệt là sự xuất hiện của Internet.

Sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống mạng Internet đã góp phần đưa Việt Nam tiến nhanh vào con đường hội nhập và giúp cho mọi người dân Việt trở thành những “Công dân quốc tế” bình đẳng trên mạng. Đối với sinh viên (SV) hiện nay, với môi trường học tập, giải trí phong phú đa dạng, do đó nhu cầu sử dụng Internet của SV ngày càng cao. Sự ra đời của Internet đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tinh thần cũng như đời sống học tập của SV trong môi trường sống luôn năng động và bận rộn hiện nay.

Sự ra đời của Internet đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tinh thần cũng như đời sống học tập của SV Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh (ĐH TDTT BN). Tuy nhiên, việc đáp ứng nhu cầu

này ngoài những mặt tích cực, Internet còn mang đến rất nhiều tác động tiêu cực làm ảnh hưởng đến việc học tập và cuộc sống của họ.

Nhận thấy được Internet là một phương tiện truyền thông ngày càng gắn bó chặt chẽ thân thiết với SV và sự tham gia sử dụng Internet của SV ngày càng nhiều. Chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng nhu cầu sử dụng Internet của SV Trường ĐH TDTT BN. Do vậy nghiên cứu cứu thực trạng nhu cầu sử dụng Internet của SV Trường ĐH TDTT BN làm cơ sở định hướng sử dụng Internet



Ảnh minh họa (nguồn Internet)

1, 2: Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

của SV trường ĐH TDTT BN trong giai đoạn hiện nay.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn, tọa đàm; Quan sát sự phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Thực trạng sử dụng Internet của SV trường ĐH TDTT BN hiện nay

Trong phần này, chúng tôi trình tiến hành nghiên cứu: Thực trạng thời gian mỗi lần lên mạng của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Đánh giá của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh về lợi ích của Internet đối với nhu cầu học tập; Thực trạng các

hoạt động giải trí của SV Trường Đại học TDTT trên mạng Internet. Kết quả được trình bày tại bảng 1, 2 và 3.

Qua bảng 1 cho thấy: Thời gian mỗi lần lên mạng của những người tham gia trả lời cho thấy, nhiều SV tham gia trả lời cho biết họ lên mạng Mỗi lần trên 120 phút 75 SV chiếm 37.5% tổng số người tham gia trả lời, tỷ lệ SV vào mạng trong khoảng thời gian từ 30-60 phút là 49 người chiếm 24.5% có thể thấy đây là lượng thời gian thích hợp mà những người được hỏi lựa chọn và tiếp theo là từ 90- 120 phút có 45 người chiếm 22.5% và thấp nhất là dưới

Bảng 1. Thực trạng thời gian mỗi lần lên mạng của SV trường ĐH TDTT BN (n = 200)

| TT | SV năm Thời gian số phút/lần | Năm 1 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 2 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 3 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 4 (n = 50) | Tỷ lệ % |
|----|---------------------------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| 1 | Dưới 30 phút | 2 | 4 | 5 | 10 | 1 | 2 | 1 | 2 |
| 2 | 30-60 phút | 18 | 36 | 10 | 20 | 10 | 20 | 11 | 22 |
| 3 | 60-90 phút | 6 | 12 | 17 | 34 | 9 | 18 | 13 | 26 |
| 4 | 90-120 phút | 8 | 16 | 3 | 6 | 6 | 12 | 8 | 16 |
| 5 | Trên 120 phút | 16 | 32 | 18 | 36 | 24 | 48 | 17 | 34 |

Bảng 2. Đánh giá của SV trường ĐH TDTT BN về lợi ích của Internet đối với nhu cầu học tập (n=200)

| TT | SV năm Thời gian số phút/lần | Năm 1 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 2 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 3 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 4 (n = 50) | Tỷ lệ % |
|----|----------------------------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| 1 | Hiểu biết nhiều kiến thức bổ ích | 25 | 50 | 24 | 48 | 26 | 52 | 24 | 48 |
| 2 | Kết quả học tập tốt hơn | 9 | 18 | 10 | 20 | 8 | 16 | 7 | 14 |
| 3 | Tiếp thu bài trên lớp nhanh hơn | 7 | 14 | 8 | 16 | 7 | 14 | 6 | 12 |
| 4 | Học bài đỡ vất vả hơn | 8 | 16 | 7 | 14 | 7 | 14 | 10 | 20 |
| 5 | Không giúp được gì | 1 | 2 | 1 | 2 | 2 | 4 | 3 | 6 |

Bảng 3. Thực trạng các hoạt động giải trí của SV ĐH TDTT BN trên mạng Internet (n = 200)

| TT | Đối tượng Nguồn tin | n | Tỷ lệ % |
|----|-------------------------------|----|---------|
| 1 | Chơi Games | 30 | 15 |
| 2 | Nghe nhạc, xem phim | 90 | 45 |
| 3 | Tán gẫu | 40 | 20 |
| 4 | Viết Blog gửi email | 30 | 15 |
| 5 | Vào trang web không lành mạnh | 10 | 5 |

Bảng 4. SV trường ĐH TDTT BN đối với việc làm trên Internet (n = 200)

| TT | SV năm | | Năm 1 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 2 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 3 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 4 (n = 50) | Tỷ lệ % |
|----|---|--|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| | Bạn quan tâm đối với việc làm trên Internet | | | | | | | | | |
| 1 | Có quan tâm | | 28 | 56 | 29 | 58 | 35 | 70 | 40 | 80 |
| 2 | Không quan tâm | | 22 | 44 | 21 | 42 | 15 | 30 | 10 | 20 |

Bảng 5. Mức độ vào mạng để tìm việc làm của SV trường ĐH TDTT BN (n = 200)

| TT | SV năm | | Năm 1 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 2 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 3 (n = 50) | Tỷ lệ % | Năm 4 (n = 50) | Tỷ lệ % |
|----|---|--|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|-------------------|------------|
| | Bạn quan tâm đối với việc làm trên Internet | | | | | | | | | |
| 1 | Thường xuyên | | 15 | 30 | 20 | 40 | 30 | 60 | 40 | 80 |
| 2 | Thỉnh thoảng | | 30 | 60 | 28 | 56 | 19 | 38 | 10 | 20 |
| 3 | Chưa bao giờ | | 5 | 10 | 2 | 4 | 1 | 2 | 0 | 0 |

30 phút chỉ có 9 người chiếm 4.5%.

Qua bảng 2 cho thấy: Hầu hết SV đều cho rằng Internet có đóng góp tích cực cho việc học tập của họ, cụ thể là có đến 99 ý kiến người tham gia trả lời cho rằng Internet giúp SV hiểu biết thêm nhiều kiến thức bổ ích. Có đến 34 ý kiến trong tổng số người tham gia trả lời cho biết Internet giúp họ học tập tốt hơn, kết quả đạt cao hơn và tiếp thu bài trên lớp nhanh hơn. 28 ý kiến người tham gia trả lời trong tổng số mẫu cho biết việc tìm kiếm bài học trên Internet giúp họ chuẩn bị cho bài thi tốt hơn và cách học bài chuẩn bị cho những kì thi đỡ vất vả hơn nhiều. Qua số liệu trên cũng cho thấy không có sự khác biệt nào trong việc đánh giá lợi ích của Internet đối với nhu cầu học tập của SV trong các năm.

Qua bảng 3 cho thấy: Nghe nhạc, xem phim là hoạt động được SV hay vào nhất khi vào mạng để giải trí có 90 ý kiến người tham gia trả lời chiếm 45%. Hoạt động tiếp theo của SV đó là chat với 40 ý kiến người trả lời chiếm 20%, gửi Email chiếm 30%. Đó là những hoạt động chiếm tỷ lệ cao trong các hoạt động mà SV hay vào khi lên mạng giải trí, ngoài ra còn có những hoạt động đáng chú ý nữa mà SV hay vào đó là vào mạng Internet với mục đích chơi games và viết blog. Đây là hai hoạt động cũng chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng số ý kiến của người trả lời về các hoạt động giải trí của họ.

2.2. Nhu cầu sử dụng Internet cho việc tìm việc làm của SV

Đánh giá nhu cầu tìm kiếm việc làm thông qua các hệ thống tuyển dụng được đăng tải trên mạng Internet. Kết quả được trình bày tại bảng 4 và 5.

Qua bảng 4 cho thấy: Đa số SV tham gia trả lời cho biết có quan tâm đến việc tìm việc làm năm thứ 4 thông qua hệ thống mạng Internet với 40 người chiếm 80%, trong khi đó chỉ có 10 người chiếm 20% trả lời họ không quan tâm đến việc tìm việc làm trên mạng. Số liệu trên cũng cho thấy có sự quan tâm khác biệt đối với vấn đề tìm việc làm trên mạng cụ thể là đa số SV năm 4 thể hiện họ quan tâm tới việc làm trên mạng Internet với số lượng người trả lời có quan tâm cao nhất trong các năm là 40 người trong khi đó năm 1 và năm 2 thấp dưới 29 người và năm 3 là 35 người.

Qua bảng 5 cho thấy: Tỷ lệ SV thường xuyên vào mạng truy cập những thông tin về tìm kiếm việc làm năm 3 năm 4 nhiều hơn hẳn so với SV năm 1 và năm 2. Điều đó đã được lí giải bởi nhu cầu việc làm của SV càng về những năm cuối khóa thì càng tăng cao. Có thể thấy được rằng, việc làm là vấn đề quan tâm của hầu hết các SV dù ở năm 1 hay bước vào năm 4. Bởi vì đó không chỉ là mối quan tâm chung mà còn là mục tiêu của đa số các SV sau khi ra trường. Tuy nhiên, mức độ tìm hiểu và cần thiết để tìm kiếm một công việc phù hợp và ổn định lại không giống nhau ở các năm học. Đối với SV năm 1, năm 2 thì nhu cầu tìm việc chưa thật sự quan trọng đối với họ, mà nhiệm vụ của họ trong

thời gian đó chủ yếu là học tập, bên cạnh đó nhu cầu giải trí đối với họ cũng rất cao. Nhưng bước vào năm học thứ ba và cuối khóa thì lại hoàn toàn khác, họ lo lắng và cố gắng tìm kiếm cho mình cơ hội việc làm trong khi đang học hoặc chuẩn bị cho sau khi ra trường để khỏi tình trạng thất nghiệp.

3. KẾT LUẬN

- Qua những phân tích trên cho thấy, trong cuộc sống hiện đại ngày nay SV Đại học TDTT Bắc Ninh là những người trẻ, họ có nhiều nhu cầu cần được đáp ứng trong đó cơ bản có những nhu cầu như học tập, tìm hiểu trao đổi thông tin, nhu cầu giải trí, nhu cầu tìm kiếm việc làm

- SV vào mạng bên cạnh là giải trí mà còn có mục

đích học tập và cũng được một số bạn tham gia trả lời đưa lên là mục đích hàng đầu của mình

- Qua phỏng vấn trực tiếp định tính ở trên có thể kết luận rằng: Học tập và giải trí là hai nhu cầu cơ bản không thể phủ nhận đối với SV khi tham gia vào mạng Internet

- Đối với SV năm 1, năm 2 thì nhu cầu tìm việc chưa thật sự quan trọng đối với họ, mà nhiệm vụ của họ trong thời gian đó chủ yếu là học tập, bên cạnh đó nhu cầu giải trí đối với họ cũng rất cao. Nhưng bước vào năm học thứ ba và cuối khóa thì lại hoàn toàn khác, họ lo lắng và cố gắng tìm kiếm cho mình cơ hội việc làm trong khi đang học hoặc chuẩn bị cho sau khi ra trường để khỏi tình trạng thất nghiệp.



Ảnh minh họa (nguồn Internet)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Thông tin và Truyền thông (2011). *Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2011 – 2020*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Đề tài: “Mối quan hệ của việc sử dụng Internet và hoạt động học tập của SV” mã số Q.CL.05.01, tháng 10, 2008
3. Đào Lê Hòa An(2013). *Nghiên cứu về hành vi sử dụng Facebook của con người - Một thách thức mới cho Tâm lý học hiện đại*, Nxb Hà Nội
4. Therese L. Baker, 1998. *Thực hành nghiên cứu xã hội học (Tô Văn, Hồng Quang, Lê Mai dịch)*, Nxb Chính Trị Quốc Gia Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích từ đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở, tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh, tên đề tài: “Nhu cầu sử dụng Internet của SV Trường ĐH TDTT BN”. Chủ nhiệm: TS. Đào Văn Thăng, nghiệm thu năm 2022.

Ngày nhận bài: 14/11/2024; **Ngày duyệt đăng:** 25/1/2025.